



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07KM (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV319

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Tổ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07143049	NGUYỄN THÙY	AN	19/08/89		8	Tám
2	07143051	LÊ TRẦN TUẤN	ANH	05/12/88		5	Năm
3	07143050	TÔ THỊ KIỀU	ANH	04/05/88		6	Sáu
4	07143052	NGUYỄN THỊ NGỌC	CẨM	20/10/89		7	Bảy
5	07143004	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	25/11/89		5	Năm
6	07143005	NGUYỄN PHÚ	CƯỜNG	10/12/89		7	Bảy
7	07143007	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	10/03/88		4	Bốn
8	07143053	ĐOÀN TẤN	DƯƠNG	20/12/88		5	Năm
9	07143008	LÊ XUÂN	ĐÀ	17/06/89		6	Sáu
10	07143054	TRẦN THỊ HỒNG	GIANG	16/07/89		2	Hai
11	07143055	ĐINH HẢI	HÀ	24/06/88		5	Năm
12	07143056	NGUYỄN THỊ	HÀ	10/08/89		4	Bốn
13	07143058	LÊ HOÀNG	HẢI	02/09/89		5	Năm
14	07143057	NGUYỄN CHỈ	HẢI	13/06/88		5	Năm
15	07143012	LÊ THỊ	HANH	29/11/89		5	Năm
16	07143011	NGUYỄN THỊ MỸ	HANH	25/11/89		5	Năm
17	07143059	HÀ CẨM	HĂNG	15/08/87		4	Bốn
18	07143060	PHẠM THỊ THU	HĂNG	30/12/89		6	Sáu
19	07143013	DƯƠNG TRUNG	HIỀN	26/12/87		4	Bốn
20	07143061	NGUYỄN THU	HIỀN	31/07/88		5	Năm
21	07143062	BÙI VĂN	HOÀNG	19/05/89		4	Bốn
22	07143063	NGUYỄN TRỌNG	HUY	20/05/89		2	Hai
23	07143065	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	10/11/88		4	Bốn

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 23 Số bài: 23 Số tờ: 23

Ngày 29 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

ĐINH THỊ TUYẾT HƯƠNG

Cán bộ coi thi 2

Ngô Minh Mỹ

Xác nhận của bộ môn TACC

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

ThS. Tạ Mỹ Nga

Dương Mỹ Thêm



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07KM (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV333

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07143064	TRẦN THỊ MAI	HƯƠNG	28/01/88			5	Năm
2	07130150	SÂN A	KHIẾNG	06/04/89			2	Hai
3	07143014	LÊ THỊ	KHUYẾN	27/12/88			5	Năm
4	07143066	LÊ ĐÌNH	KIẾN	18/06/88			4	Bốn
5	07143067	NGUYỄN THỊ	KIỀU	03/07/89			7	Bảy
6	07143015	CAO THỊ	LAN	08/01/88			4	Bốn
7	07143068	LÊ THỊ MỸ	LAN	22/04/89			6	Sáu
8	07143070	HUYỀN	LÂN	10/08/89			2	Hai
9	07120067	ĐẶNG THỊ MINH	LIÊN	15/09/89			4	Bốn
10	07143071	NGUYỄN THỊ THỤC	LINH	05/04/89			6	Sáu
11	07143017	CAO THỊ	LOAN	01/08/88			6	Sáu
12	07143072	PHẠM HỒNG	LOAN	24/08/89			6	Sáu
13	07143018	VÕ VĂN	LUÂN	20/02/85			✓	✓
14	07143073	PHẠM THỊ	LUYẾN	19/09/89			5	Năm
15	07143019	ĐẶNG THỊ HIỀN	LƯƠNG	30/06/89			5	Năm
16	07143020	VÕ THỊ NGỌC	LY	25/02/89			5	Năm
17	07143075	NGUYỄN THỊ MAI	LÝ	07/10/89			5	Năm
18	07143021	LÊ QUỐC THANH	MAI	29/11/89			5	Năm
19	07143076	TRẦN VĂN	MỚI	15/11/88			5	Năm
20	07143022	NGUYỄN THỊ DIỆM	MY	18/02/89			6	Sáu
21	07143023	TRẦN DIỆM	MY	20/07/89			5	Năm
22	07143078	NGUYỄN THỊ THANH	NAM	05/09/89			4	Bốn
23	07143024	BACH THỊ	NGÂN	19/07/89			4	Bốn
24	07143079	ĐỖ THỊ BÍCH	NGỌC	14/05/89			4	Bốn
25	07143080	TRẦN THỊ BÍCH	NGỌC	11/12/89			5	Năm
26	07143026	CAO TÀI	NGUYỄN	12/01/89			5	Năm
27	07143025	THÔI PHƯỚC	NGUYỄN	04/08/89			6	Sáu
28	07143081	NGUYỄN SỸ	NGUYỄN	24/03/89			✓	✓
29	07143082	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	20/01/87			4	Bốn
30	07143027	CAO THỊ	NHÂN	02/01/89			7	Bảy
31	07143028	NGUYỄN THỊ MỸ	NHÂN	30/12/89			5	Năm
32	07143030	LÊ NGUYỄN Ý	NHI	27/12/89			7	Bảy
33	07143083	PHẠM THỊ PHƯƠNG	NHUNG	06/07/89			6	Sáu
34	07137042	NGUYỄN THỊ	OANH	16/10/89			5	Năm
35	07143085	PHẠM NGUYỄN HỒNG	PHONG	21/03/89			6	Sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 38 Số bài: 38 Sở từ: _____

Ngày 29 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

ph
Nguyễn T. phước

Cán bộ coi thi 2

bmh
Nguyễn Oliver Bình

Xác nhận của bộ môn TAKC

Cán bộ chấm thi 1

swi
Đông Mỹ Thiên

Cán bộ chấm thi 2

Quê

ThS. Quê Mỹ Nga



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07KN (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi RD101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Đ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07155001	NGUYỄN THỊ NGOC	DIỆM	06/05/89		4	Bốn
2	07155004	TRẦN TRỌNG	HẬU	21/12/88		5	Năm
3	07155005	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	19/11/89		6	Sáu
4	07155006	HUỲNH THỊ BÍCH	LỆ	29/06/86		5	Năm
5	07155008	CAO THỊ NGỌC	NGÂN	19/11/89		6	Sáu
6	07155011	HUỲNH MỸ	PHƯƠNG	08/11/89		7	Bảy
7	07155002	NGÔ THỊ ANH	THƯ	10/02/89		6	Sáu
8	07155013	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	TRẦN	29/10/88		6	Sáu
9	07155014	LÊ CAO KHÁNH	TRUNG	15/01/89		7	Bảy
10	07155016	HUỲNH NGUYỄN	VY	13/11/89		5	Năm

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 10 Số bài: 10 Số tờ: 10

Ngày 29 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn TACC

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Tạ Mỹ Nga

Nguyễn Mỹ Thảo



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07KT (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV400

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	ANH	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07120002	ĐÀO DUY	ANH	01/07/88		Auk	4	Bốn
2	07120003	ĐÀO THỊ	ANH	20/08/89		Anh	4	Bốn
3	07120048	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	01/11/89		Anh	6	Sáu
4	07146002	PHẠM TUẤN	ANH	02/12/88		So	4	Bốn
5	07120047	TRẦN THỊ LAN	ANH	27/11/88		Tuk	5	Năm
6	07120005	TRẦN THỊ BÍCH	CHÂU	26/05/89		Phuoc B	6	Sáu
7	07120006	LÊ DUY	CHUNG	10/04/87		Phuoc L	5	Năm
8	07120007	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	05/04/89		Phuoc L	5	Năm
9	07120050	TRƯƠNG MINH	CƯỜNG	10/03/88		Phuoc L	3	Ba
10	07120008	LÊ CÔNG	DANH	16/02/89		Phuoc L	2	Hai
11	07120009	LÊ THỊ BÍCH	DIỆM	25/01/89		Phuoc L	3	Ba
12	07120051	MAI THỊ NGỌC	DUNG	17/05/89		Dung	6	Sáu
13	07120053	LÊ THỊ NGỌC	DUYỄN	19/09/89		Duyien	6	Sáu
14	07120011	LÊ CÔNG	ĐẮC	01/12/89		Đắc	4	Bốn
15	07120012	TRƯƠNG THỊ HỒNG	EM	10/10/89		Phuoc L	5	Năm
16	07120056	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	20/12/89		Phuoc L	4	Bốn
17	07120013	ĐA NIAL	GÔCH	10/08/87		Phuoc L	3	Ba
18	07120014	ĐỖ THỊ THU	HÀ	01/07/88		Phuoc L	4	Bốn
19	07120058	HỒ THỊ	HÀ	16/07/89		Phuoc L	6	Sáu
20	07120059	TRẦN THỊ	HIỂN	25/12/89		Phuoc L	4	Bốn
21	07120060	PHẠM THỊ	HOA	30/04/88		Phuoc L	5	Năm
22	07120018	TRẦN XUÂN	HOÀNG	14/09/87	✓	✓	✓	✓
23	07120019	BÙI MINH	HỒNG	06/08/89		Phuoc L	6	Sáu
24	07120061	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	12/01/89		Phuoc L	6	Sáu
25	07120062	NGUYỄN MINH	HUỆ	07/12/88		Phuoc L	5	Năm
26	07120063	HOÀNG HUY	HÙNG	17/11/88		Phuoc L	3	Ba
27	07120064	NGUYỄN THỊ MỘNG	HUYỀN	/ /89		Phuoc L	5	Năm
28	07120020	LÊ VĂN	KHA	14/03/88		Phuoc L	5	Năm
29	07120065	VÕ THỊ THÚY	KIỀU	22/05/88		Phuoc L	5	Năm
30	07120021	NGUYỄN THỊ	LAN	08/10/89		Phuoc L	7	Bảy
31	07120066	NGUYỄN THỊ	LÀNH	02/11/88		Phuoc L	5	Năm
32	07120068	DƯƠNG THÚY	LIÊN	25/11/88		Phuoc L	5	Năm
33	07120070	NGUYỄN THỊ	LONG	19/01/88		Phuoc L	5	Năm
34	07120022	PHẠM THỊ	LỢI	15/01/88		Phuoc L	3	Ba
35	07120072	NGUYỄN THỊ	MAI	20/10/89		Phuoc L	3	Ba
36	07120071	TRƯƠNG PHÚC	MAI	29/08/88		Phuoc L	6	Sáu

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi Lớp DH07KT (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07120023	KIỀU ĐỨC	MANH	23/09/89		5	Năm
38	07120024	NGUYỄN THẾ	MIỀN	18/07/87		3	Ba
39	07120073	ĐẶNG HOÀNG	NAM	17/12/89		4	Bốn
40	07114086	THẠCH	NÊTRA	09/08/88		5	Năm
41	07120074	TRẦN THỊ BÍCH	NGÂN	02/02/89		6	Sáu
42	07120025	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	17/08/89		6	Sáu
43	07120026	TRẦN KIM	NGUYỄN	28/07/89		5	Năm
44	07120075	PHẠM VĂN	NHÂN	17/10/87		3	Ba
45	07120028	LỤC THỊ TUYẾT	NHUNG	16/11/89		5	Năm
46	07120029	LÝ THỊ	OANH	30/06/87		8	Tám
47	07120076	THIỀU THỊ	OANH	14/06/88		4	Bốn
48	07120077	NGUYỄN THỊ MINH	PHÚC	22/12/89		7	Bảy
49	07120078	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	21/11/89		3	Ba
50	07120030	BÙI THỊ	PHƯƠNG	01/07/89		5	Năm
51	07120031	TÔN THẤT VINH	QUANG	15/07/89		5	Năm
52	07120032	LƯƠNG THÀNH PHÚ	QUÝ	06/11/89	✓	✓	✓
53	07120033	TRẦN THỊ TUYẾT	SANG	06/09/89		5	Năm
54	07120034	NGUYỄN VIỆT	SỎ	04/08/89		4	Bốn
55	07120082	LƯƠNG THỊ	TÂM	28/10/88		6	Sáu
56	07120080	MAI THỊ HIỀN	TÂM	08/01/88		5	Năm
57	07120081	NGUYỄN HOÀNG	TÂM	16/01/89		5	Năm
58	07120083	VÕ THỊ	TÂM	03/01/89		5	Năm
59	07120084	PHẠM NGỌC	THÁI	26/07/89		7	Bảy
60	07120085	NGUYỄN TRẦN VIÊN	THẢO	29/08/89		5	Năm
61	07120086	PHẠM NGỌC	THẮNG	23/10/85	✓	✓	✓
62	07120037	PHẦN THÀNH	THÍCH	08/12/89		5	Năm
63	07120038	NGUYỄN MINH	THUẬN	05/09/87		3	Ba
64	07120087	NGUYỄN NGỌC	THÚY	01/04/89		4	Bốn
65	07114097	THẠCH THỊ	THUYỀN	02/02/86		3	Ba
66	07120039	NGUYỄN THỊ THÚY	TIẾN	23/10/89		5	Năm
67	07120088	TRẦN THÚY	TIẾN	03/08/88		5	Năm
68	07114098	KIẾN THỊ HỒNG	TIẾN	15/05/88		3	Ba
69	07120041	VŨ ĐÌNH	TOÀN	25/06/88		5	Năm
70	07120090	BÙI THỊ PHƯƠNG	TRANG	01/03/89		6	Sáu
71	07120091	VÕ THỊ THÚY	TRANG	12/12/89		5	Năm
72	07120092	NGÔ PHƯỚC	TRỌNG	04/06/88		3	Ba
73	07120044	NGUYỄN VĂN	TÚ	14/08/89		5	Năm
74	07120046	ĐÀO QUỐC	TUẤN	08/04/88		3	Ba

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi Lớp DH07KT (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	TUYỂN	Ng/Sinh	Số Tổ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
75	07120093	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỂN	20/11/89		<i>[Signature]</i>	4	Bốn
76	07120045	NGUYỄN THỊ NGỌC	VÀNG	02/01/89		<i>[Signature]</i>	5	Năm
77	07120094	LÊ THỊ	VIỆT	18/12/88		<i>[Signature]</i>	6	Sáu
78	07120095	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	08/06/89		<i>[Signature]</i>	4	Bốn

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 75 Số bài: 75 Số tờ: 75

Ngày 29 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *[Signature]*

Cán bộ coi thi 2 *[Signature]*

Xác nhận của bộ môn TAKC

Cán bộ chấm thi 1 *[Signature]*

Cán bộ chấm thi 2 *[Signature]*

[Signature]
ThS. Tạ Mỹ Nga

[Signature]
Đặng Mỹ Thêm



Đại học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07LN (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi RD102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	QUỐC	Ng/Sinh	SỐ TH	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07114133	TRINH VĂN	QUỐC	10/09/89			3	Ba
2	07114091	SOM SI ĐA	RẾT	04/02/86			5	Năm
3	07114092	NGUYỄN HUYỀN	SIM	01/04/88			4	Bốn
4	07114045	TRẦN QUỐC	SON	07/09/88			4	Bốn
5	07114093	BÙI LỘC	TÂN	04/12/88			4	Bốn
6	07114048	DƯƠNG HOÀNG	THÁI	08/09/89			1	
7	07114135	NGUYỄN VĂN	THÀNH	/08/88			3	Ba
8	07114051	PHAN NGUYỄN	THẮNG	08/11/88			4	Bốn
9	07114052	NGUYỄN TƯ	THẾ	16/04/85			3	Ba
10	07114136	NGUYỄN THỊ KIM	THIỆN	18/07/89			4	Bốn
11	07114095	NÔNG VĂN	THIỆN	06/01/86			4	Bốn
12	07114096	MANG DUY CÔNG	THỊNH	28/01/87			4	Bốn
13	07114058	LÊ VĂN	TIN	06/07/89			5	Năm
14	07114140	ĐOÀN MẠNH	TRƯỜNG	14/09/89			1	
15	07114141	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	25/02/89			5	Năm
16	07114061	TRẦN ĐÌNH	TÚ	05/05/89			5	Năm
17	07114143	LÝ NGỌC	TUYẾN	18/02/89			6	Sáu
18	07114101	THẠCH THỊ KIM	TUYẾN	23/01/88			4	Bốn
19	07114144	BÙI QUỐC	VIỆT	02/06/88			5	Năm
20	07114064	LƯƠNG QUỐC	VIỆT	01/01/88			4	Bốn
21	07114146	NGUYỄN THỊ KIM	VUI	01/01/88			4	Bốn
22	07114147	NGUYỄN PHAN	Ý	03/04/87			2	Hai
23	07114148	NGUYỄN THỊ	YẾN	17/11/89			4	Bốn
24	07114102	RO DA NAI	YẾN	11/12/88			4	Bốn

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 22 Số bài: 22 Số tờ: 22

Ngày 29 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ninh

Nguyễn Thị Hùng

Xác nhận của bộ môn TAKC

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đương Ngy Thiên

ThS. Cao Mỹ Nga



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07LN (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV337

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SĐT	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07114002	NGUYỄN ĐÌNH	BẢO	10/03/87		3	Ba
2	07114068	LƯƠNG THỊ	BỒN	17/11/86		5	Năm
3	07114069	SƠN	CHỊT	/ /84		4	Bốn
4	07114003	PHAN MINH	CÔNG	10/07/89		6	Sáu
5	07114004	PHAN VĂN	CÔNG	29/07/86		4	Bốn
6	07114009	LÊ VĂN	DŨNG	23/07/88		4	Bốn
7	07114108	NGUYỄN CÔNG	DŨNG	10/11/88		5	Năm
8	07114109	NGUYỄN VĂN	DŨNG	28/04/89		✓	✓
9	07114007	PHẠM TIẾN	DŨNG	04/09/89		4	Bốn
10	07114073	ĐÀNG ANH	ĐÁNG	05/11/87		5	Năm
11	07114075	PHẠM TRƯỜNG	GIANG	20/03/88		4	Bốn
12	07114076	ĐIỀU MINH	HÀI	15/08/87		3	Ba
13	07114014	PHẠM THỊ THANH	HÀI	20/10/89		6	Sáu
14	07114078	CHAU	HANE	/ /86		4	Bốn
15	07114077	TRẦN HỮU	HÀNH	18/08/88		3	Ba
16	07114113	LÊ VĂN	HẢO	16/12/88		✓	✓
17	07114017	NGUYỄN THỊ THU	HÒA	20/10/88		4	Bốn
18	07114118	NGUYỄN	HUÂN	16/06/89		6	Sáu
19	07114023	NGUYỄN XUÂN	HỮU	12/06/89		4	Bốn
20	07114025	ĐỖ ĐĂNG	KHÁNH	26/05/88		4	Bốn
21	07114081	SIU	KHEM	14/04/86		5	Năm
22	07114082	LƯƠNG VĂN	KHIÊM	22/07/88		4	Bốn
23	07114026	ĐÀO THỊ DIỆM	LAN	14/03/88		3	Ba
24	07114083	A RI GIANG	LÂY	24/08/88		5	Năm
25	07114027	PHẠM THỊ	LOAN	02/09/89		✓	✓
26	07114028	NGUYỄN NGỌC	LƯU	20/12/89		5	Năm
27	07114122	LÊ THẢO	NGUYỄN	28/04/89		5	Năm
28	07114032	NGUYỄN VĂN	NGŨ	02/07/86		4	Bốn
29	07114037	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	30/09/89		5	Năm
30	07114128	PHẠM VĂN	NINH	20/11/89		✓	✓
31	07114090	DANH	PHO	15/10/88		4	Bốn
32	07114129	HÀ NGỌC	PHÚ	04/10/88		✓	✓
33	07114130	NGUYỄN HOÀNG THANH	PHÚC	27/12/89		✓	✓
34	07114040	PHAN THỊ HỮU	PHƯỚC	15/02/89		4	Bốn
35	07114089	DANH	PHƯƠNG	27/10/87		4	Bốn
36	07114042	PHAN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	03/08/87		4	Bốn

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07LN (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2							
STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tổ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07114132	LÊ BẢO QUỐC	21/11/88	V	✓	✓	✓

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 30 Số bài: 30 Sở từ: 30

Ngày 29 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Thầy
Đ. Trang

Cán bộ coi thi 2

Ng. Thị Đào

Xác nhận của bộ môn TA-KC

Cán bộ chấm thi 1

Thầy
Hương Mỹ Thắm

Cán bộ chấm thi 2

Thầy
ThS. Cao Mỹ Nga